

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HS-ST

Ngày: 24 - 5 - 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Nguyễn Thị Thao.

Bà: Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hùng - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06 /2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Văn N, tên gọi khác: Không; sinh ngày 07 tháng 10 năm 1986 tại xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: thôn 2, xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn S và bà Phùng Thị M; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L – sinh năm 1987 và có hai con, con lớn sinh năm 2008 con nhỏ sinh năm 2015. Điều trú tại: Thôn 2, xã Quy Mông, huyện Trấn Yên, Yên Bái; tiền án: Không, tiền sự: Có 01 tiền sự Ngày 22/3/2017 bị Chủ tịch UBND xã Q, huyện T ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã 03 tháng do sử dụng trái phép chất ma túy, đến ngày 22/6/2017 chấp hành xong. Tuy nhiên chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày

23/01/2018. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh Dương Xuân T – sinh năm 1982.

Trú tại: Thôn 2, xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Vũ Văn S – sinh năm 1945.

Trú tại: Thôn 1, xã Q, huyện T, Yên Bái. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Đức H – sinh năm 1946.

Trú tại: Thôn 2, xã Q, huyện T, Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ, ngày 21/01/2018 Vũ Văn N – Trú tại: Thôn 2, xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái, đi bộ từ nhà mình đến xưởng chế biến gỗ của anh Dương Xuân T ở cùng thôn chơi. Đến nơi không thấy T ở xưởng, N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, quan sát xung quanh không có người, N đi vòng quanh xưởng, phát hiện tại vách gỗ phía bên phải phòng ngủ trong xưởng có một lỗ thủng (Phòng khóa cửa) nhìn qua lỗ thủng vào trong, N nhìn thấy một chiếc máy khoan, một chiếc máy mài N lấy một thanh gỗ gần đó khều, kéo hai chiếc máy ra, nhấc qua lỗ thủng đưa ra ngoài và đem 02 chiếc máy về nhà cất giấu, còn thanh gỗ vớt lại trong xưởng.

Ngày 22/01/2018 N đem bán 02 chiếc máy cho ông Vũ Văn S trú cùng thôn với N được 300.000đồng và đem một phần tiền này đi mua ma túy của một người đàn ông không biết tên, địa chỉ ở khu vực xã V, huyện T, phần còn lại N tiêu xài cá nhân hết.

Do bị mất tài sản anh T đã làm đơn trình báo lên Công an huyện, cơ quan điều tra Công an huyện T triệu tập N lên lấy lời khai, tại cơ quan điều tra N đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG ngày 23/01/2018 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện T kết luận:

01 chiếc máy khoan màu xanh, dây điện màu vàng, không rõ nhãn hiệu, đã cũ mua vào từ tháng 11/2015 với giá 2.900.000đồng, tại thời điểm định giá, máy hoạt

động bình thường, khấu hao 20%. Giá trị còn lại là $2.900.000 \times 80\% = 2.320.000$ đồng.

01 máy mài tay nhãn hiệu Makita, màu xanh đen, máy không có đá mài, đã cũ mua vào tháng 3/2017 với giá 1.400.000 đồng, tại thời điểm định giá, máy hoạt động bình thường, khấu hao 10%. Giá trị còn lại là $1.400.000 \times 10\% = 1.260.000$ đồng.

Cáo trạng số 07/CT- VKSTY ngày 03/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái đã truy tố Vũ Văn N về tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như cáo trạng và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù.

Về vật chứng của vụ án, gồm 01 máy khoan và 01 máy mài đã được thu hồi trả lại đầy đủ cho người bị hại. Đối với 01 thanh gỗ bết không có giá trị cần tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh T không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không đặt ra giải quyết.

Đối với số tiền 300.000 đồng ông S không yêu cầu bị cáo phải trả lại nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định theo thủ tục Tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên Công an huyện T. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đầy đủ, đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục Tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại và những người tham gia Tố tụng khác, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định Tố tụng của cơ quan tiến hành Tố tụng, người tiến hành Tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định Tố tụng của cơ quan tiến hành Tố tụng, người tiến hành Tố tụng đối với vụ án thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận. Khoảng 19 giờ ngày 21/01/2018 tại xưởng chế biến gỗ của anh T ở

thôn 2, xã Q huyện T, lợi dụng sự sơ hở của anh T, bị cáo chiếm đoạt 01 chiếc máy khoan màu xanh; 01 máy mài tay nhãn hiệu Makita, màu xanh đen. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng để có tiền tiêu sài và sử dụng chất ma túy bị cáo vẫn cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác trái pháp luật. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.580.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo N ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy cần phải có một hình phạt thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm dẫn dắt, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[4.1] Về nhân thân: Bị cáo N có nhân thân xấu như. Tại bản án Hình sự sơ thẩm số 16/2003/HSST ngày 10/3/2003 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thử thách 02 năm về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên căn cứ Nghị Quyết số 33/2009/NQ-QH 12 ngày 19/6/2009 của Quốc Hội về việc thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự, thì bị cáo N đương nhiên được xóa án tích. Năm 2016 bị cáo bị Công an huyện T xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, tính đến ngày phạm tội bị cáo được coi là chưa bị xử phạt hành chính. Tiền sự có một tiền sự. Là đối tượng nghiện ma túy, ngày 22/3/2017 bị Chủ tịch UBND xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái ra Quyết định. Áp dụng biện pháp giáo dục tại xã 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong, nhưng theo quy định của pháp luật thì tính đến ngày phạm tội bị cáo chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Không lấy đó làm bài học ăn năn, hối cải, ngày 21/01/2018 phạm tội trộm cắp tài sản, nên cần nghiêm trị trước pháp luật.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo N thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bản thân bị cáo thuộc hộ nghèo có sổ hộ nghèo, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những đánh giá, phân tích như trên Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng bản thân bị cáo

không ăn năn hối cải, có nhân thân xấu, nên cần xử phạt một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, nhằm mục đích phòng ngừa chung.

[4.3] về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập gì, thuộc hộ nghèo, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] về đối tượng khác của vụ án: Đối với ông Vũ Văn S là người mua tài sản trộm cắp của bị cáo, quá trình điều tra và tại phiên Tòa đã làm rõ ông S không biết là tài sản do trộm cắp mà có nên ông không bị xử lý về hình sự là đúng pháp luật.

Theo lời khai của bị cáo về người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo N ở khu vực xã Việt Thành, huyện T, bị cáo không biết tên, tuổi địa chỉ của người bán, nên không có căn cứ để xử lý về hành vi liên quan đến ma túy.

[6] Về vật chứng của vụ án: Gồm 01 chiếc máy khoan và 01 chiếc máy mài tay, cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu anh T đầy đủ.

Đối với 01 thanh gỗ bẹt có chiều dài 104cm, rộng 3,2cm, dày 1,8cm là tài sản của anh T, nhưng anh không nhận lại, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Dương Xuân T đã nhận lại đầy đủ tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn S không yêu cầu bị cáo N phải trả lại số tiền 300.000đồng, nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h,s khoản 1 khoản 2 Điều 51. Bộ luật hình sự.

1- Tuyên bố bị cáo Vũ Văn N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo Vũ Văn N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 23/01/2018.

2- Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 thanh gỗ bẹt có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng với Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái ngày 04/4/2018.

3- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23

Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30.12.2016, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Vũ Văn N phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng chẵn) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

4- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, người bị hại, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo, Bị hại, người liên quan;
- THAHS- THADS;
- Lưu Hsơ -TA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Phương